

BẢNG BÁO GIÁ MÁY BƠM NTP PUMP

(Áp dụng từ 01/12/2017 - Đơn giá chưa bao gồm thuế VAT 10%)




ST T	Mã số	Động Cơ	Đường kính hút - xả	Công Suất HP	Điện áp (V)	LL cao nhất (L/min)	Cột áp (m)	Giá đại lý	Hình Ảnh	
BƠM BÁNH RĂNG VỎ GANG ĐẦU GANG										
1	HCP225-1.25 265	K rơle	34-34	1/3HP	220	42	20	1,302,000	 <p>HCP</p>	
2	HCP225-1.37 265	K rơle	34-34	1/2HP	220	37	30	1,541,000		
3	HCP225-1.75 265	K rơle	34-34	1HP	220	52	41	3,080,000		
4	HCP225-1.25 265T	Rò le nhiệt	34-34	1/3HP	220	42	20	1,427,000		
5	HCP225-1.37 265T	Rò le nhiệt	34-34	1/2HP	220	37	30	1,661,000		
6	HCP225-1.75 265T	Rò le nhiệt	34-34	1HP	220	52	41	3,200,000		
7	HCP225-1.75 205	K rơle nhiệt	34-34	1HP	380	52	41	3,080,000	 <p>HCS</p>	
8	HCP225-1.75 205T	Rò le nhiệt	34-34	1HP	380	52	41	3,200,000		
BƠM BÁNH RĂNG VỎ GANG ĐẦU INOX										
9	HCS225-1.37 265	K rơle	34-34	1/2HP	220	34	30	3,855,000		
10	HCS225-1.75 265	K rơle	34-34	1HP	220	39	44	6,320,000		
11	HCS225-1.37 205	K rơle	34-34	1/2HP	380	34	30	3,855,000		
12	HCS225-1.75 205	K rơle	34-34	1HP	380	39	44	6,320,000		
13	HCS225-1.37 265T	Rò le nhiệt	34-34	1/2HP	220	34	30	4,015,000	 <p>HCF</p>	
14	HCS225-1.75 265T	Rò le nhiệt	34-34	1HP	220	39	44	6,497,000		
BƠM BÁNH RĂNG TĂNG ÁP ĐẦU GANG										
15	HCF225-1.25 265	K rơle nhiệt	34-34	1/3HP	220	48	25	1,949,000		
16	HCF225-1.37 265	K rơle nhiệt	34-34	1/2HP	220	38	30	2,183,000		
17	HCF225-1.25 265T	Rò le nhiệt	34-34	1/3HP	220	48	25	2,074,000		
18	HCF225-1.37 265T	Rò le nhiệt	34-34	1/2HP	220	38	30	2,311,000		
19	HCA225-1.18 265	K rơle	34-34	1/4HP	220	30	25	1,890,000	 <p>HCA</p>	
20	HCA225-1.25 265	K rơle	34-34	1/3HP	220	42	20	2,027,000		
21	HCA225-1.37 265	K rơle	34-34	1/2HP	220	37	30	2,252,000		
22	HCA225-1.75 265	K rơle	34-34	1HP	220	54	41	3,555,000		
23	HCA225-1.75 205	K rơle	34-34	1HP	380	54	41	4,506,000		
24	HCA225-1.18 265T	Rò le nhiệt	34-34	1/4HP	220	30	25	2,048,000		
25	HCA225-1.25 265T	K rơle nhiệt	34-34	1/3HP	220	42	20	2,133,000		

bán




ST T	Mã số	Động Cơ	Đường kính hút - xả	Công Suất HP	Điện áp (V)	LL cao nhất (L/min)	Cột áp (m)	Giá đại lý	Hình Ảnh	
26	HCA225-1.37 265T	Rò le nhiệt	34-34	1/2HP	220	37	30	2,370,000	HCA	
27	HCA225-1.75 265T	Rò le nhiệt	34-34	1HP	220	54	41	3,674,000		
28	HCA225-1.75 205T	Rò le nhiệt	34-34	1HP	380	54	41	4,678,000		
BƠM BÁNH RĂNG TĂNG ÁP ĐẦU GANG										
29	HCB225-1.18 265	Không rò rỉ nhiệt	34-34	1/4HP	220	30	25	2,205,000	HCB	
30	HCB225-1.25 265	Không rò rỉ nhiệt	34-34	1/3HP	220	42	20	2,370,000		
31	HCB225-1.37 265	Không rò rỉ nhiệt	34-34	1/2HP	220	37	30	2,607,000		
32	HCB225-1.75 265	Không rò rỉ nhiệt	34-34	1HP	220	54	41	3,976,000		
33	HCB225-1.75 205	Không rò rỉ nhiệt	34-34	1HP	380	54	41	4,912,000		
34	HCB225-1.18 265T	Rò le nhiệt	34-34	1/4HP	220	30	25	2,363,000		
35	HCB225-1.25 265T	Không rò rỉ nhiệt	34-34	1/3HP	220	42	20	2,495,000		
36	HCB225-1.37 265T	Rò le nhiệt	34-34	1/2HP	220	37	30	2,729,000		
37	HCB225-1.75 265T	Rò le nhiệt	34-34	1HP	220	54	41	4,054,000		
38	HCB225-1.75 205T	Rò le nhiệt	34-34	1HP	380	54	41	4,990,000		
BƠM BÁNH RĂNG VỎ NHÔM ĐẦU INOX										
39	LCS225-1.37 265	NTP	34-34	1/2HP	220	45	36	3,734,000		HSM
BƠM CHÌM HÚT NƯỚC THẢI										
40	HSM225-1.10 265	NTP	27-27	100W	220	70	6	1,470,000		
41	HSM240-1.25 265	NTP	49-49	1/3HP	220	140	8	2,176,000		
42	HSM250-1.37 265	NTP	60-60	1/2HP	220	210	10	2,421,000		
43	HSM250-1.75 265	NTP	60-60	1HP	220	300	9	4,344,000		
44	HSM730-1.75 265	NTP	42-42	1HP	220	250	25	4,344,000		
45	HSM280-1.75 265	NTP	90-90	1HP	220	400	9	4,715,000		
46	HSM280-11.5 265	NTP	90-90	2HP	220	700	13	8,342,000		
47	HSM280-12.2 265	NTP	90-90	3HP	220	800	21	9,644,000		
48	HSM250-1.37 205	NTP	60-60	1/2HP	380	210	10	2,421,000		
49	HSM250-1.75 205	NTP	60-60	1HP	380	300	9	4,344,000		
50	HSM280-1.75 205	NTP	90-90	1HP	380	400	9	4,715,000		
51	HSM280-11.5 205	NTP	90-90	2HP	380	700	13	7,687,000		
52	HSM280-12.2 205	NTP	90-90	3HP	380	800	21	8,997,000		
53	HSM2100-13.7 205	NTP	114-114	5HP	380	1100	23	13,035,000		
54	HSM2100-15.5 205	NTP	114-114	7 1/2HP	380	1400	21	16,138,000		
55	HSM2100-17.5 205	NTP	114-114	10HP	380	1500	24	22,921,000		
BƠM CHÌM HÚT BÙN										
56	HSF240-1.25 265	NTP	49-49	1/3HP	220	140	8	2,176,000		
57	HSF250-1.37 265	NTP	60-60	1/2HP	220	210	10	2,421,000		
58	HSF250-1.75 265	NTP	60-60	1HP	220	300	9	4,344,000		





bán








ST T	Mã số	Động Cơ	Đường kính hút - xả	Công Suất HP	Điện áp (V)	LL cao nhất (L/min)	Cột áp (m)	Giá đại lý	Hình Ảnh
59	HSF280-1.75 265	NTP	90-90	1HP	220	400	9	4,715,000	 <p>HSF</p>
60	HSF280-11.5 265	NTP	90-90	2HP	220	700	13	8,342,000	
61	HSF280-12.2 265	NTP	90-90	3HP	220	800	21	9,644,000	
62	HSF250-1.37 205	NTP	60-60	1/2HP	380	210	10	2,421,000	
63	HSF250-1.75 205	NTP	60-60	1HP	380	300	9	4,344,000	
64	HSF280-1.75 205	NTP	90-90	1HP	380	400	9	4,715,000	
65	HSF280-11.5 205	NTP	90-90	2HP	380	700	13	7,687,000	
66	HSF280-12.2 205	NTP	90-90	3HP	380	800	21	8,997,000	
67	HSF2100-13.7 205	NTP	114-114	5HP	380	1100	23	13,035,000	
68	HSF2100-15.5 205	NTP	114-114	7 1/2HP	380	1400	21	16,138,000	
69	HSF2100-17.5 205	NTP	114-114	10HP	380	1500	24	22,921,000	
BƠM CHÌM HÚT NƯỚC THẢI INOX									
70	SSM250-1.37 265	NTP	60-60	1/2HP	220	210	10	10,120,000	 <p>SSM</p>
71	SSM250-1.75 265	NTP	60-60	1HP	220	270	13	13,488,000	
72	SSM280-11.5 265	NTP	90-90	2HP	220	650	14	29,626,000	
73	SSM280-12.2 265	NTP	90-90	3HP	220	900	17	32,199,000	
74	SSM250-1.37 205	NTP	60-60	1/2HP	220	210	10	10,120,000	
75	SSM250-1.75 205	NTP	60-60	1HP	380	270	13	13,488,000	
76	SSM280-11.5 205	NTP	90-90	2HP	380	650	14	27,115,000	
77	SSM280-12.2 205	NTP	90-90	3HP	380	900	17	32,199,000	
78	SSM280-13.7 205	NTP	90-90	5HP	380	1100	22	38,973,000	
79	SSM2100-13.7 205	NTP	114-114	5HP	380	1100	22	43,994,000	
BƠM CHÌM HÚT BÙN INOX									
80	SSF250-1.37 265	NTP	60-60	1/2HP	220	210	10	10,120,000	 <p>SSF</p>
81	SSF250-1.75 265	NTP	60-60	1HP	220	270	13	13,488,000	
82	SSF280-11.5 265	NTP	90-90	2HP	220	650	14	29,626,000	
83	SSF280-12.2 265	NTP	90-90	3HP	220	900	17	35,418,000	
84	SSF250-1.37 205	NTP	60-60	1/2HP	220	210	10	10,120,000	
85	SSF250-1.75 205	NTP	60-60	1HP	380	270	13	13,488,000	
86	SSF280-11.5 205	NTP	90-90	2HP	380	650	14	27,115,000	
87	SSF280-12.2 205	NTP	90-90	3HP	380	900	17	32,199,000	
88	SSF280-13.7 205	NTP	90-90	5HP	380	1100	22	38,973,000	
89	SSF2100-13.7 205	NTP	114-114	5HP	380	1100	22	43,994,000	
BƠM CHÌM HÚT NƯỚC THẢI CỎ PHAO									
90	HSM240-1.25 265 (T)	NTP	49-49	1/3HP	220	120	7	3,293,000	 <p>HSM</p>
91	HSM250-1.37 265 (T)	NTP	60-60	1/2HP	220	130	7	3,544,000	
92	HSM250-1.75 265 (T)	NTP	60-60	1HP	220	300	9	6,553,000	






ST T	Mã số	Động Cơ	Đường kính hút - xả	Công Suất HP	Điện áp (V)	LL cao nhất (L/min)	Cột áp (m)	Giá đại lý	Hình Ảnh
93	HSM280-1.75 265 (T)	NTP	90-90	1HP	220	400	9	6,943,000	
94	HSM250-1.75 205 (T)	NTP	60-60	1HP	380	300	9	6,553,000	
95	HSM280-1.75 205 (T)	NTP	90-90	1HP	380	400	9	6,924,000	
96	HSM280-11.5 205 (T)	NTP	90-90	2HP	380	700	13	9,679,000	
BOM CHÌM HÚT BÙN CÓ PHAO									
97	HSF240-1.25 265 (T)	NTP	49-49	1/3HP	220	120	7	3,293,000	 HSF
98	HSF250-1.37 265 (T)	NTP	60-60	1/2HP	220	130	7	3,544,000	
99	HSF250-1.75 265 (T)	NTP	60-60	1HP	220	300	9	6,553,000	
100	HSF280-1.75 265 (T)	NTP	90-90	1HP	220	400	9	6,943,000	
								-	
101	HSF250-1.75 205 (T)	NTP	60-60	1HP	380	300	9	6,553,000	
102	HSF280-1.75 205 (T)	NTP	90-90	1HP	380	400	9	6,924,000	
103	HSF280-11.5 205 (T)	NTP	90-90	2HP	380	700	13	9,679,000	
BOM PHUN TĂNG ÁP VỎ NHÔM ĐẦU INOX									
104	LJA225-1.37 265	K ròle	34-34	1/2HP	220	32	29	3,792,000	 LJA
105	LJA225-1.37 265T	Ròle nhiệt	34-34	1/2HP	220	32	29	3,911,000	
BOM PHUN TĂNG ÁP VỎ GANG ĐẦU INOX									
106	HJA225-1.50 265	K ròle	34-34	3/4HP	220	32	33	3,437,000	 HJA
107	HJA225-1.75 265	K ròle	34-34	1HP	220	47	40	4,027,000	
108	HJA225-1.75 205	K ròle	34-34	1HP	380	47	40	6,162,000	
109	HJA225-1.50 265T	Rò le nhiệt	34-34	3/4HP	220	32	33	4,622,000	
110	HJA225-1.75 265T	Rò le nhiệt	34-34	1HP	220	47	40	5,096,000	
111	HJA225-1.75 205T	Rò le nhiệt	34-34	1HP	380	47	40	6,281,000	
BOM PHUN VỎ NHÔM ĐẦU INOX									
112	LJP225-1.37 265	K ròle	34-34	1/2HP	220	32	29	2,489,000	 LJP
113	LJP225-1.37 265T	Rò le nhiệt	34-34	1/2HP	220	32	29	2,607,000	
BOM PHUN VỎ GANG ĐẦU INOX									
114	HJP225-1.50 265	K ròle	34-34	0.5KW	220	32	33	3,200,000	 HJP
115	HJP225-1.75 265	K ròle	34-34	1HP	220	47	40	3,674,000	
116	HJP225-1.75 205	K ròle	34-34	1HP	380	47	40	3,674,000	
117	HJP225-1.50 265T	Rò le nhiệt	34-34	0.5KW	220	32	33	3,318,000	
118	HJP225-1.75 265T	Rò le nhiệt	34-34	1HP	220	47	40	3,792,000	
119	HJP225-1.75 205T	Rò le nhiệt	34-34	1HP	380	47	40	3,674,000	
MÁY BOM TĂNG ÁP ĐIỆN TỬ (NƯỚC LẠNH)									
120	EQA220-3.18 265	NTP	27-27	1/4HP	220	48	19	3,649,000	
121	EQA225-3.37 265	NTP	34-34	1/2HP	220	64	23	4,054,000	
122	EQA225-3.75 265	NTP	34-34	1HP	220	100	35	5,457,000	



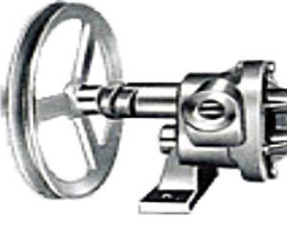
ST T	Mã số	Động Cơ	Đường kính hút - xả	Công Suất HP	Điện áp (V)	LL cao nhất (L/min)	Cột áp (m)	Giá đại lý	Hình Ảnh
MÁY BOM ĐẦY ÁP DÙNG TRONG LÒ HƠI (BƠM SỪNG TRẦU)									EQA
123	HCP325-1.75 205	TECO	34-34	1HP	380	45	8	12,864,000	
124	HCP325-11.5 205	TECO	34-34	2HP	380	60	10	14,033,000	
125	HCP330-12.2 205	TECO	42-42	3HP	380	80	11	19,491,000	
126	HCP340-13.7 205	TECO	49-49	5HP	380	105	13	25,572,000	
127	HCP340-15.5 205	TECO	49-49	7.5HP	380	120	15	31,965,000	
128	HCP350-17.5 205	TECO	60-60	10HP	380	135	16	46,076,000	
129	HCP350-111 205	TECO	60-60	15HP	380	150	19	51,455,000	
130	HCP350-115 205	TECO	60-60	20HP	380	170	23	61,434,000	
BƠM TỰ HÚT ĐẦU GANG									
131	HSP250-1.75 265	NTP	60-60	1HP	220	193	12	5,451,000	
132	HSP250-11.5 265	NTP	60-60	2HP	220	233	16	6,636,000	
133	HSP280-12.2 265	NTP	90-90	3HP	220	432	13	9,125,000	
134	HSP250-1.75 205	NTP	60-60	1HP	380	193	13	5,096,000	
135	HSP250-11.5 205	NTP	60-60	2HP	380	300	16	6,281,000	
136	HSP280-12.2 205	NTP	90-90	3HP	380	566	20	8,295,000	
137	HSP280-13.7 205	NTP	90-90	5HP	380	663	30	9,480,000	
MÁY BOM TUBIN									HSP
138	HTP225-2.37 265	NTP	34-34	1/2HP	220	75	16	2,393,000	
139	HTP225-2.75 265	NTP	34-34	1HP	220	109	23	4,249,000	
140	HTP250-21.5 265	NTP	60-60	2HP	220	245	32	6,978,000	
141	HTP240-31.5 265	NTP	49-49	2HP	220	193	38	6,572,000	
142	HTP250-22.2 265	NTP	60-60	3HP	220	320	38	9,309,000	
143	HTP225-2.37 205	NTP	34-34	1/2HP	380	84	19	2,154,000	
144	HTP225-2.75 205	NTP	34-34	1HP	380	109	23	3,836,000	
145	HTP250-21.5 205	NTP	60-60	2HP	380	245	32	6,572,000	
146	HTP240-31.5 205	NTP	49-49	2HP	380	193	38	6,159,000	
147	HTP250-22.2 205	NTP	60-60	3HP	380	320	38	8,623,000	
148	HTP280-23.7 205	NTP	90-90	5HP	380	686	26	13,125,000	
BƠM LY TÂM DẠNG XOÁY ĐẦU GANG									HTP
149	HVP340-1.75 205	TECO	49-49	1HP	380	160	10	5,847,000	
150	HVP340-11.5 205	TECO	49-49	2HP	380	280	20	7,251,000	
151	HVP350-11.5 205	TECO	60-60	2HP	380	390	15	7,251,000	
152	HVP350-12.2 205	TECO	60-60	3HP	380	300	20	9,044,000	
153	HVP365-12.2 205	TECO	76-76	3HP	380	480	15	9,044,000	
154	HVP380-12.2 205	TECO	90-90	3HP	380	570	15	9,044,000	
155	HVP365-13.7 205	TECO	76-76	5HP	380	660	30	11,538,000	
156	HVP380-13.7 205	TECO	90-90	5HP	380	630	25	11,538,000	

ST T	Mã số	Động Cơ	Đường kính hút - xả	Công Suất HP	Điện áp (V)	LL cao nhất (L/min)	Cột áp (m)	Giá đại lý	Hình Ảnh	
157	HVP380-15.5 205	TECO	90-90	71/2HP	380	630	35	20,146,000	 HVP	
158	HVP3100-15.5 205	TECO	114-114	71/2HP	380	1470	20	20,146,000		
159	HVP380-17.5 205	TECO	90-90	10HP	380	650	45	24,168,000		
160	HVP3100-17.5 205	TECO	114-114	10HP	380	1660	25	24,168,000		
161	HVP380-111 205	TECO	90-90	15HP	380	845	55	31,226,000		
162	HVP3100-111 205	TECO	114-114	15HP	380	1880	35	31,185,000		
163	HVP3125-111 205	TECO	140-140	15HP	380	2540	25	31,185,000		
164	HVP380-115 205	TECO	90-90	20HP	380	910	55	37,266,000		
165	HVP3100-115 205	TECO	114-114	20HP	380	2320	40	37,266,000		
166	HVP3125-115 205	TECO	140-140	20HP	380	2800	30	37,266,000		
167	HVP380-119 205	TECO	114-114	25HP	380	920	60	52,391,000	 HVP	
168	HVP3100-119 205	TECO	114-114	25HP	380	1680	55	52,391,000		
169	HVP3125-119 205	TECO	140-140	25HP	380	3220	40	52,391,000		
170	HVP3150-119 205	TECO	168-168	25HP	380	3790	30	52,391,000		
171	HVP3100-122 205	TECO	114-114	30HP	380	1620	55	62,448,000		
172	HVP3125-122 205	TECO	140-140	30HP	380	3340	45	62,448,000		
173	HVP3150-122 205	TECO	168-168	30HP	380	4040	35	62,448,000		
174	HVP3100-130 205	TECO	114-114	40HP	380	1780	60	75,546,000		
175	HVP3125-130 205	TECO	140-140	40HP	380	3950	40	75,546,000		
176	HVP3150-130 205	TECO	168-168	40HP	380	4670	35	75,546,000		
177	HVP3100-137 205	TECO	114-114	50HP	380	1820	75	92,669,000	 HVP	
178	HVP3125-137 205	TECO	140-140	50HP	380	4240	45	92,669,000		
179	HVP3150-137 205	TECO	168-168	50HP	380	4310	45	92,669,000		
BƠM LY TÂM DẠNG XOÁY ĐẦU GANG										
180	HVP240-1.75 265	NTP	49-49	1HP	220	160	10	5,670,000		
181	HVP240-11.5 265	NTP	49-49	2HP	220	280	20	6,061,000		
182	HVP250-11.5 265	NTP	60-60	2HP	220	390	15	6,061,000		
183	HVP250-12.2 265	NTP	60-60	3HP	220	300	20	8,799,000		
184	HVP265-12.2 265	NTP	76-76	3HP	220	480	15	8,799,000		
185	HVP280-12.2 265	NTP	90-90	3HP	220	570	15	8,799,000		
186	HVP240-1.75 205	NTP	49-49	1HP	380	160	10	5,155,000		
187	HVP240-11.5 205	NTP	49-49	2HP	380	280	20	5,510,000		
188	HVP250-11.5 205	NTP	60-60	2HP	380	390	15	5,510,000		
189	HVP250-12.2 205	NTP	60-60	3HP	380	300	20	7,999,000		
190	HVP265-12.2 205	NTP	76-76	3HP	380	480	15	7,999,000		
191	HVP280-12.2 205	NTP	90-90	3HP	380	570	15	7,999,000		
192	HVP265-13.7 205	NTP	76-76	5HP	380	660	30	10,221,000		
193	HVP280-13.7 205	NTP	90-90	5HP	380	630	25	10,221,000		
194	HVP280-15.5 205	NTP	90-90	71/2HP	380	630	35	17,775,000		

ST T	Mã số	Động Cơ	Đường kính hút - xả	Công Suất HP	Điện áp (V)	LL cao nhất (L/min)	Cột áp (m)	Giá đại lý	Hình Ảnh
195	HVP2100-15.5 205	NTP	114-114	71/2HP	380	1470	20	17,775,000	 HVP
196	HVP280-17.5 205	NTP	90-90	10HP	380	650	45	21,331,000	
197	HVP2100-17.5 205	NTP	114-114	10HP	380	1660	25	21,331,000	
198	HVP280-111 205	NTP	90-90	15HP	380	845	55	27,552,000	
199	HVP2100-111 205	NTP	114-114	15HP	380	1880	35	27,552,000	
200	HVP2125-111 205	NTP	140-140	15HP	380	2540	25	27,552,000	
201	HVP280-115 205	NTP	90-90	20HP	380	910	55	32,885,000	
202	HVP2100-115 205	NTP	114-114	20HP	380	2320	40	32,885,000	
203	HVP2125-115 205	NTP	140-140	20HP	380	2800	30	32,885,000	
BƠM LY TÂM DẠNG XOÁY ĐẦU INOX									
204	HVS340-1.75 205	TECO	49-49	1HP	380	140	20	9,265,000	 HVS
205	HVS340-11.5 205	TECO	49-49	2HP	380	280	25	11,503,000	
206	HVS350-11.5 205	TECO	60-60	2HP	380	360	20	11,505,000	
207	HVS350-12.2 205	TECO	60-60	3HP	380	360	30	14,391,000	
208	HVS365-12.2 205	TECO	76-76	3HP	380	790	20	14,391,000	
209	HVS380-12.2 205	TECO	90-90	3HP	380	570	15	14,391,000	
210	HVS350-13.7 205	TECO	60-60	5HP	380	450	35	18,353,000	
211	HVS365-13.7 205	TECO	76-76	5HP	380	660	30	18,353,000	
212	HVS380-13.7 205	TECO	90-90	5HP	380	1100	25	18,353,000	
213	HVS380-15.5 205	TECO	90-90	71/2HP	380	1000	35	31,952,000	
214	HVS3100-15.5 205	TECO	114-114	71/2HP	380	1160	20	31,952,000	
215	HVS350-17.5 205	TECO	60-60	10HP	380	440	60	38,323,000	
216	HVS380-17.5 205	TECO	90-90	10HP	380	975	45	38,323,000	
217	HVS3100-17.5 205	TECO	114-114	10HP	380	1360	30	38,323,000	
218	HVS380-111 205	TECO	90-90	15HP	380	1160	60	49,480,000	
219	HVS3100-111 205	TECO	114-114	15HP	380	1665	30	49,480,000	
220	HVS3125-111 205	TECO	140-140	15HP	380	2065	20	49,480,000	
221	HVS380-115 205	TECO	90-90	20HP	380	1160	65	59,101,000	
222	HVS3100-115 205	TECO	114-114	20HP	380	1810	40	59,101,000	
223	HVS3125-115 205	TECO	140-140	20HP	380	2200	30	59,101,000	
224	HVS380-119 205	TECO	90-90	25HP	380	1760	55	83,081,000	
225	HVS3100-119 205	TECO	114-114	25HP	380	1760	55	83,081,000	
226	HVS3125-119 205	TECO	140-140	25HP	380	3200	25	83,081,000	
227	HVS3150-119 205	TECO	168-168	25HP	380	4015	25	83,081,000	
228	HVS3100-122 205	TECO	114-114	30HP	380	1865	60	99,041,000	
229	HVS3125-122 205	TECO	140-140	30HP	380	3560	30	99,041,000	
230	HVS3150-122 205	TECO	168-168	30HP	380	4560	30	99,041,000	
231	HVS3100-130 205	TECO	114-114	40HP	380	1965	75	119,820,000	
232	HVS3125-130 205	TECO	140-140	40HP	380	3950	40	119,820,000	
233	HVS3150-130 205	TECO	168-168	40HP	380	4950	40	119,820,000	

ST T	Mã số	Động Cơ	Đường kính hút - xả	Công Suất HP	Điện áp (V)	LL cao nhất (L/min)	Cột áp (m)	Giá đại lý	Hình Ảnh
BƠM LY TÂM DẠNG XOÁY ĐẦU INOX									
234	HVS240-1.75 265	NTP	49-49	1HP	220	160	10	9,409,000	 HVS
235	HVS240-11.5 265	NTP	49-49	2HP	220	280	20	11,677,000	
236	HVS250-11.5 265	NTP	60-60	2HP	220	390	15	11,677,000	
237	HVS250-12.2 265	NTP	60-60	3HP	220	300	20	14,600,000	
238	HVS265-12.2 265	NTP	76-76	3HP	220	480	15	14,600,000	
239	HVS280-12.2 265	NTP	90-90	3HP	220	570	15	14,600,000	
240	HVS240-1.75 205	NTP	49-49	1HP	380	160	10	8,554,000	 HVS
241	HVS240-11.5 205	NTP	49-49	2HP	380	280	20	10,616,000	
242	HVS250-11.5 205	NTP	60-60	2HP	380	390	15	10,616,000	
243	HVS250-12.2 205	NTP	60-60	3HP	380	300	20	13,272,000	
244	HVS265-12.2 205	NTP	76-76	3HP	380	480	15	13,272,000	
245	HVS280-12.2 205	NTP	90-90	3HP	380	570	15	13,272,000	
246	HVS265-13.7 205	NTP	76-76	5HP	380	660	30	16,959,000	
247	HVS280-13.7 205	NTP	90-90	5HP	380	630	25	16,959,000	
248	HVS280-15.5 205	NTP	90-90	7 1/2HP	380	630	35	29,494,000	
249	HVS2100-15.5 205	NTP	114-114	7 1/2HP	380	1470	20	29,494,000	
250	HVS280-17.5 205	NTP	90-90	10HP	380	650	45	35,393,000	
251	HVS2100-17.5 205	NTP	114-114	10HP	380	1660	25	35,393,000	
252	HVS280-111 205	NTP	90-90	15HP	380	845	55	45,716,000	
253	HVS2100-111 205	NTP	114-114	15HP	380	1880	35	45,716,000	
254	HVS2125-111 205	NTP	140-140	15HP	380	2540	25	45,716,000	
255	HVS280-115 205	NTP	90-90	20HP	380	910	55	54,564,000	
256	HVS2100-115 205	NTP	114-114	20HP	380	2320	40	54,564,000	
257	HVS2125-115 205	NTP	140-140	20HP	380	2800	30	54,564,000	
BƠM LY TÂM DẠNG XOÁY ĐẦU GANG									
258	HVP380-13.7 40	TECO	60-60	5HP	380	720	15	15,358,000	 HVP
259	HVP3100-15.5 40	TECO	114-114	7 1/2HP	380	1630	15	24,530,000	
260	HVP3100-17.5 40	TECO	114-114	10HP	380	1840	20	27,730,000	
261	HVP3100-111 40	TECO	114-114	15HP	380	1735	25	35,195,000	
262	HVP3125-111 40	TECO	140-140	15HP	380	1960	25	35,195,000	
263	HVP3150-111 40	TECO	168-168	15HP	380	2605	15	35,195,000	
264	HVP3125-115 40	TECO	140-140	20HP	380	2640	25	41,595,000	
265	HVP3150-115 40	TECO	168-168	20HP	380	3510	20	41,595,000	
266	HVP3125-119 40	TECO	140-140	25HP	380	3600	35	57,592,000	
267	HVP3150-119 40	TECO	168-168	25HP	380	3560	25	57,592,000	
268	HVP3200-119 40	TECO	219-219	25HP	380	4000	25	57,592,000	
269	HVP3150-122 40	TECO	168-168	30HP	380	3560	25	68,258,000	
270	HVP3200-122 40	TECO	219-219	30HP	380	6005	20	68,258,000	

ST T	Mã số	Động Cơ	Đường kính hút - xả	Công Suất HP	Điện áp (V)	LL cao nhất (L/min)	Cột áp (m)	Giá đại lý	Hình Ảnh	
271	HVP3150-130 40	TECO	168-168	40HP	380	4480	25	82,123,000		
272	HVP3200-130 40	TECO	219-219	40HP	380	6040	25	82,123,000		
273	HVP3200-137 40	TECO	219-219	50HP	380	6480	30	93,975,000		
BƠM LY TÂM DẠNG XOÁY ĐẦU INOX										
274	HVS350-13.7 40	TECO	60-60	5HP	380	720	15	25,562,000		
275	HVS3100-15.5 40	TECO	114-114	71/2HP	380	1800	20	44,733,000		
276	HVS3100-17.5 40	TECO	114-114	10HP	380	2300	20	49,525,000		
277	HVS3100-111 40	TECO	114-114	15HP	380	1735	25	62,306,000		
278	HVS3125-111 40	TECO	140-140	15HP	380	1960	25	62,306,000		
279	HVS3150-111 40	TECO	168-168	15HP	380	2605	15	70,294,000		
280	HVS3125-115 40	TECO	140-140	20HP	380	2640	25	68,697,000		
281	HVS3150-115 40	TECO	168-168	20HP	380	3510	20	76,685,000		
282	HVS3150-119 40	TECO	168-168	25HP	380	3560	25	94,258,000		
283	HVS3200-119 40	TECO	219-219	25HP	380	4000	25	94,258,000		
284	HVS3150-122 40	TECO	168-168	30HP	380	3560	25	113,429,000		
285	HVS3200-122 40	TECO	219-219	30HP	380	6005	20	113,429,000		
286	HVS3150-130 40	TECO	168-168	40HP	380	4480	25	127,808,000		
287	HVS3200-130 40	TECO	219-219	40HP	380	6040	25	127,808,000		
MÁY BƠM ĐỒNG RƯỢNG										
288	HVY250-1.75 265	NTP	60-60	1HP	220	350	14	2,160,000		
MÁY BƠM TỰ HÚT CÔNG NGHIỆP ĐẦU NHỰA (BƠM HÓA CHẤT)										
289	USP240-11.1 205	NTP	49-49	1HP	380	240	13	12,630,000		
290	USP240-11.5 205	NTP	49-49	2HP	380	342	12	14,654,000		
291	USP250-12.2 205	NTP	60-60	3HP	380	373	14	16,979,000		
292	USP250-13.7 205	NTP	60-60	5HP	380	619	20	21,264,000		
MÁY BƠM LY TÂM CÔNG NGHIỆP ĐẦU NHỰA (BƠM HÓA CHẤT)										
293	UVP225-1.75 205	NTP	34-21	1HP	380	100	10	8,709,000		
294	UVP240-11.5 205	NTP	49-34	2HP	380	381	20	10,369,000		
295	UVP250-12.2 205	NTP	60-49	3HP	380	398	24	12,755,000		
296	UVP265-13.7 205	NTP	76-60	5HP	380	416	28	20,646,000		
297	UVP280-15.5 205	NTP	90-76	7.5HP	380	750	30	24,948,000		
298	UVP280-17.5 205	NTP	90-76	10HP	380	833	32	26,507,000		
299	UVP2100-111 205	NTP	114-90	15HP	380	1666	20	42,256,000		
300	UVP2100-115 205	NTP	114-90	20HP	380	1666	32	46,933,000		
BULY TRỢ BƠM ĐẦU GANG										
301	A06CU1-010	500	21	4 - 1/2 HP		16	2-4	1,346,000		
302	A06CU1-020	500	27	1/2 - 1 HP		39	2-4	1,671,000		
303	A06CU1-025	500	34	1 - 2 HP		56	2-4	2,317,000		
304	A06CU1-035	500	42	1 - 2 HP		66	2-4	2,807,000		

ST T	Mã số	Động Cơ	Đường kính hút - xả	Công Suất HP	Điện áp (V)	LL cao nhất (L/min)	Cột áp (m)	Giá đại lý	Hình Ảnh
305	A06CU1-040	500	49	2 - 3 HP		100	2-4	5,535,000	 A06
306	A06CU1-050	500	60	3 - 5 HP		160	2-4	6,284,000	
BULY TRỢ BƠM ĐẦU GANG PHỐT AMIĂNG									
307	A06CU1-010 (AM)	500	21	4 - 1/2 HP		16	2-4	1,481,000	 A06
308	A06CU1-020 (AM)	500	27	1/2 - 1 HP		39	2-4	1,838,000	
309	A06CU1-025 (AM)	500	34	1 - 2 HP		56	2-4	2,548,000	
310	A06CU1-035 (AM)	500	42	1 - 2 HP		66	2-4	3,087,000	
311	A06CU1-040 (AM)	500	49	2 - 3 HP		100	2-4	6,089,000	
312	A06CU1-050 (AM)	500	60	3 - 5 HP		160	2-4	6,912,000	
313	A06CU1-080 (AM)	500	90	1 - 7 1/2 HP		230	2-4	12,555,000	
BULY TRỢ BƠM ĐẦU INOX PHỐT AMIĂNG									
314	A06CS1-020	430	27	1/2 - 1 HP		45	4	11,616,000	
315	A06CS1-025	430	34	1 - 2 HP		55	4	12,786,000	
316	A06CS1-035	430	42	1 - 3 HP		80	4	14,345,000	
317	A06CS1-040	430	49	2 - 5 HP		130	4	26,819,000	
318	A06CS1-050	430	60	3 - 5 HP		200	4	36,408,000	
319	A06CS1-080	430	90	10 - 15 HP		500	4	116,133,000	

GHI CHÚ :

- 1/ Giá trên đã chưa gồm thuế VAT 10% .
- 2/ XUẤT XỨ : NTP PUMP
- 3/ Bảo hành : 12 tháng